

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN
THƯƠNG MẠI VÀ CÔNG NGHIỆP VIỆT NAM**

**Báo cáo tài chính
cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
đã được kiểm toán**

NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	02-03
Báo cáo Kiểm toán	04 - 05
Báo cáo Tài chính đã được kiểm toán	
Bảng cân đối kế toán	06 - 07
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	08
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	09
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	10 - 22

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Tên giao dịch của Công ty là: Viet Nam Industrial And Commercial Securities Company. Tên viết tắt là: VICS.

Theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 88/UBCK-GP ngày 11/1/2008; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103023007 ngày 14 tháng 3 năm 2008 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, lĩnh hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, 19 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

Vốn điều lệ của Công ty là: 150.000.000.000 VND (Một trăm năm mươi tỷ đồng). Tương đương 15.000.000 cổ phần, mệnh giá một cổ phần là 10.000 VND. Vốn pháp định của Công ty là 135.000.000.000 VND

Các đơn vị thành viên sau

<u>Tên đơn vị</u>	<u>Địa chỉ</u>
- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hà Nội	Tầng 3, số 19 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh	Villa số 3, số 2BIS Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN GIÁM ĐỐC VÀ BAN KIỂM SOÁT

Các thành viên của Hội đồng Quản trị bao gồm:

Ông Lê Văn Hưng	Chủ tịch
Ông Nguyễn Phúc Long	Phó Chủ tịch
Bà Lương Thị Anh Hà	Phó Chủ tịch
Ông Trần Bá Hoàn	Thành viên
Ông Võ Sỹ Dờng	Thành viên
Ông Vũ Xuân Hòa	Thành viên
Ông Lê Thành Công	Thành viên

Các thành viên Ban Giám đốc bao gồm:

Ông Nguyễn Phúc Long	Tổng Giám đốc
Ông Dương Quang Trung	Phó Tổng Giám đốc

Các thành viên Ban Kiểm soát bao gồm:

Ông Lê Thái Hưng	Trưởng ban
Bà Nguyễn Thị Thu Trang	Thành viên
Bà Trần Tú Hà	Thành viên

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán (AASC) đã thực hiện kiểm toán các Báo cáo tài chính cho Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2008, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Hà Nội, ngày 16 tháng 02 năm 2009

TM. Ban Giám đốc
Tổng Giám đốc

Nguyễn Phúc Long

Số: /2009/BC.KTTC-AASC.KT2

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008
của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị
Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam được lập ngày 16 tháng 02 năm 2009, gồm: Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ và Bản Thuyết minh báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008 được trình bày từ trang 06 đến trang 22 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính này thuộc trách nhiệm của Tổng Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này căn cứ trên kết quả kiểm toán của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu công việc kiểm toán lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo hợp lý rằng các báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành, các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Tổng Giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát các báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

Những vấn đề ảnh hưởng đến ý kiến kiểm toán viên

Công ty chưa thu thập được giá cổ phiếu chưa niêm yết giao dịch tại ngày 31/12/2008 để thực hiện trích lập dự phòng giảm giá đầu tư cổ phiếu, tuy nhiên Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản dự phòng giảm giá đầu tư cho cổ phiếu của Tổng Công ty Rượu Bia Nước giải khát Sài Gòn dựa trên việc điều chỉnh giá vốn là 23,5%.

Ý kiến của kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của các vấn đề đó, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2008, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2008, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

Chúng tôi cũng xin lưu ý tới người đọc Báo cáo tài chính rằng: theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103023007 ngày 14/3/2008 thì số vốn điều lệ của Công ty là 150.000.000.000 VND, tuy nhiên tại thời điểm 31/12/2008 số dư Vốn của các bên góp vốn của Công ty là 140.932.000.000 VND.

Hà Nội, ngày 26 tháng 03 năm 2009

**Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính
Kế toán và Kiểm toán
Phó Tổng giám đốc**

Kiểm toán viên

Nguyễn Thanh Tùng

Hoàng Thúy Nga

Chứng chỉ KTV số: Đ0063/KTV

Chứng chỉ KTV số: 0762/KTV

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND
			31/12/2008
100	A TÀI SẢN LƯU ĐỘNG VÀ ĐẦU TƯ NGẮN HẠN		146,280,305,579
110	I Tiền	1	38,203,022,290
111	1 Tiền mặt tại quỹ		1,230,658,792
112	2 Tiền gửi ngân hàng		23,745,001,067
113	3 Tiền đang chuyển		-
114	4 Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán		3,900,824,740
115	5 Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành		4,690,438,443
116	6 Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán		4,636,099,248
120	II Các khoản đầu tư chứng khoán ngắn hạn và đầu tư ngắn hạn khác		85,497,992,581
121	1 Chứng khoán tự doanh	3	20,743,023,814
122	2 Chứng khoán đầu tư ngắn hạn của người ủy thác đầu tư		-
123	3 Đầu tư ngắn hạn	4	67,097,969,195
126	4 Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư ngắn hạn (*)	3	(2,343,000,428)
130	III Các khoản phải thu		10,238,761,852
131	1 Phải thu của Trung tâm giao dịch chứng khoán		-
132	2 Phải thu của người đầu tư		3,753,193,442
133	3 Phải thu của tổ chức phát hành chứng khoán hoặc bảo lãnh phát hành chứng khoán		2,000,000,000
134	4 Ứng trước cho người bán		526,906,297
135	5 Thuế GTGT được khấu trừ		-
136	6 Phải thu nội bộ		-
137	7 Phải thu khác	5	3,958,662,113
138	6 Dự phòng phải thu khó đòi (*)		-
140	IV Hàng tồn kho		-
141	1 Hàng mua đang đi trên đường		-
142	2 Vật liệu		-
143	3 Công cụ, dụng cụ		-
150	V Tài sản lưu động khác		12,340,528,856
151	1 Tạm ứng		884,626,563
152	2 Chi phí trả trước	6	8,882,940,679
153	3 Tài sản thiếu chờ xử lý		-
156	4 Tài sản cầm cố, ký cược, ký quỹ ngắn hạn	7	2,572,961,614
200	B TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÀ ĐẦU TƯ DÀI HẠN		11,029,711,867
210	I Tài sản cố định	8	10,909,711,867
211	1 Tài sản cố định hữu hình		9,458,233,523
212	- Nguyên giá		10,155,260,355
213	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(697,026,832)

214	2	Tài sản cố định thuê tài chính		-
215	-	Nguyên giá		-
216	-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		-
217	2	Tài sản cố định vô hình	9	1,451,478,344
218	-	Nguyên giá		1,524,536,777
219	-	Giá trị hao mòn lũy kế (*)		(73,058,433)
220	II	Các khoản đầu tư chứng khoán dài hạn và đầu tư dài hạn khác		-
221	1	Đầu tư CK dài hạn của Công ty chứng khoán		-
222	2	Góp vốn liên doanh		-
223	3	Đầu tư CK dài hạn của người ủy thác đầu tư		-
224	4	Đầu tư dài hạn khác		-
227	5	Dự phòng giảm giá chứng khoán và đầu tư dài hạn khác (*)		-
230	III	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		-
240	IV	Tài sản dài hạn khác		120,000,000
241	1	Ký quỹ, ký cược dài hạn		-
242	2	Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	11	120,000,000
243	3	Tài sản dài hạn khác		-
250		TỔNG CỘNG TÀI SẢN		157,310,017,446

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2008

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	31/12/2008	
300	A	NỢ PHẢI TRẢ	15,907,774,583	
310	I	Nợ ngắn hạn	15,907,774,583	
311	1	Vay và nợ ngắn hạn	-	
314	2	Vay dài hạn đến hạn trả	-	
315	3	Phải trả Trung tâm giao dịch chứng khoán	-	
316	4	Phải trả thiếu hụt Quỹ hỗ trợ thanh toán	-	
317	5	Phải trả về chứng khoán giao, nhận đại lý phát hành	-	
318	6	Phải trả người bán	202,720,237	
319	7	Người mua ứng trước	225,023,276	
320	8	Phải trả cổ tức gốc và lãi trái phiếu	24,827,200	
323	9	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	12	77,370,467
324	10	Phải trả nhân viên	562,745,321	
325	11	Chi phí phải trả	13	812,737,017
326	12	Phải trả nội bộ	-	
327	13	Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán	5,344,335,000	
328	14	Phải trả phải nộp khác	14	261,868,735
329	15	Tài sản thừa chờ xử lý	430,553	
332	16	Thanh toán giao dịch chứng khoán của người đầu tư	8,395,716,777	

340	II Nợ dài hạn		-
341	1 Vay dài hạn		-
342	2 Nợ dài hạn		-
344	3 Nhận kỹ quỹ, kỹ cược dài hạn		-
345	4 Phải trả người ủy thác đầu tư		-
400	B NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	15	141,402,242,863
410	I Vốn góp ban đầu		140,932,000,000
411	1 Vốn của các bên góp vốn		140,932,000,000
412	2 Vốn góp cổ phần		-
420	II Vốn bổ sung		-
421	1 Thặng dư vốn cổ phần		-
422	2 Vốn bổ sung từ lợi nhuận		-
423	3 Vốn bổ sung từ nguồn khác		-
430	III Các quỹ và lợi nhuận chưa phân phối		470,242,863
431	1 Quỹ đầu tư, phát triển		-
432	2 Quỹ dự phòng tài chính		-
437	3 Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm		-
438	4 Lợi nhuận chưa phân phối		470,242,863
439	5 Quỹ khen thưởng và phúc lợi		-
440	IV Vốn điều chỉnh		-
450	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		157,310,017,446

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	31/12/2008
001	1 Tài sản cố định thuê ngoài		-
002	2 Vật tư nhận giữ hộ		-
003	3 Nợ khó đòi đã xử lý		-
004	4 Ngoại tệ các loại		-
005	5 Nguồn vốn khấu hao		-
006	6 Chứng khoán lưu ký của thành viên trong nước		50,801,770,000
007	6.1 Chứng khoán giao dịch thành viên trong nước		50,801,770,000

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng giám đốc

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2008

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm 2008
I Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh chứng khoán			
01	1 Tiền thu từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		18,009,231,996
02	2 Tiền thu từ thu nhập ngoài hoạt động kinh doanh chứng khoán		-
03	3 Tiền thu từ các khoản nợ phải thu		12,689,787,129
04	4 Tiền đã trả cho người bán		(7,946,293,915)
05	5 Tiền đã nộp thuế và các khoản phải nộp cho Nhà nước		(339,114,443)
06	6 Tiền đã trả cho các khoản nợ phải trả		(26,394,796,698)
07	7 Tiền thực chi cho chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán		(5,981,666,280)
08	8 Tiền thực chi cho chi phí quản lý doanh nghiệp		(14,532,605,098)
09	9 Tiền thực chi cho chi phí ngoài hoạt động kinh doanh chứng khoán		-
10	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh chứng khoán		(24,495,457,309)
II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
11	1 Tiền mua TSCĐ, XDCB		(11,679,797,132)
12	2 Tiền thu, chi về thanh lý, nhượng bán TSCĐ		-
13	3 Tiền đầu tư vào các đơn vị khác		(698,010,182,197)
14	4 Thu hồi vốn từ các khoản đầu tư vào đơn vị khác		-
15	5 Các khoản chi khác cho hoạt động đầu tư		631,456,355,278
16	6 Thu lãi đầu tư		-
16	6 Tiền trả lãi đầu tư		-
17	7 Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ phát sinh trong kỳ của hoạt động đầu tư		-
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		(78,233,624,051)
III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
21	1 Tiền thu góp vốn của chủ sở hữu		150,000,000,000
22	2 Tiền trả lại vốn góp cho chủ sở hữu		(9,068,000,000)
23	3 Tiền vay		41,400,000,000
24	4 Tiền trả nợ vay		(41,400,000,000)
25	5 Trả lãi tiền vay		-
26	6 Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ của hoạt động tài chính		-
50	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính		140,932,000,000
51	Chênh lệch tỷ giá ngoại tệ đánh giá lại cuối kỳ		103,650
60	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		38,203,022,290
70	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn đầu kỳ		-

80	Tiền và các khoản tương đương tiền tồn cuối kỳ	38,203,022,290
-----------	---	-----------------------

-

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2009

Tổng Giám đốc

Trần Quỳnh Hương

Phạm Thúy Lan

Nguyễn Phúc Long

Trần Quỳnh Hương

Phạm Thúy Lan

Nguyễn Phúc Long

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH Năm 2008

I . ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam là công ty cổ phần được thành lập tại Hà Nội, Việt Nam, hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực chứng khoán.

Trụ sở chính của Công ty tại: Tầng 3, 19 Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội.

Các đơn vị thành viên sau

Tên đơn vị

- Trụ sở chính Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Hà Nội
- Chi nhánh Công ty Cổ phần Chứng khoán Thương mại và Công nghiệp Việt Nam tại Thành phố Hồ Chí Minh

Địa chỉ

Tầng 3, số 19 Láng Hạ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Villa số 3, số 2BIS Nguyễn Thị Minh Khai, phường Đa Kao, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh

Lĩnh vực kinh doanh

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là: Chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh

Theo Quyết định của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước số 88/UBCK-GP ngày 11/1/2008; Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh Công ty Cổ phần số 0103023007 ngày 14 tháng 3 năm 2008 do sở kế hoạch và đầu tư thành phố Hà Nội cấp, lĩnh hoạt động kinh doanh của Công ty là:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

II . CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY

Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Do năm nay là năm đầu tiên công ty chính thức đi vào hoạt động nên kỳ kế toán năm bắt đầu từ ngày 11 tháng 01 năm 2008 đến ngày 31 tháng 12 năm 2008.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND)

Chuẩn mực và Chế độ kế toán áp dụng

Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Công ty chứng khoán ban hành theo Quyết định số 99/2000/QĐ-BTC ngày 13/06/2000 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc ghi các khoản phải thu

Các khoản phải thu được trình bày trên báo cáo tài chính theo giá trị ghi sổ cùng với dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản không được khách hàng thanh toán phát sinh đối với số dư các khoản phải thu tại ngày kết thúc kỳ kế toán năm.

Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Phần mềm quản lý	08 năm
- Phương tiện vận tải	08-10 năm
- Thiết bị văn phòng	05-08 năm

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán đầu tư

Chứng khoán đầu tư được ghi nhận theo giá gốc. Cổ tức và trái tức nhận được trong năm được ghi nhận giảm giá vốn chứng khoán đối với khoản lãi dồn tích trước ngày mua và ghi nhận tăng doanh thu đầu tư đối với phần lãi kể từ ngày mua.

Công ty áp dụng phương pháp bình quân gia quyền di động để tính giá vốn cổ phiếu bán ra và phương pháp đích danh để tính tái vốn trái phiếu bán ra.

Dự phòng giảm giá đối với chứng khoán đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của chứng khoán đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận chứng khoán mua bán theo hợp đồng mua/ bán lại (hợp đồng "repo")

Các giao dịch chứng khoán liên quan đến việc mua/ bán chứng khoán từ/ cho khách hàng và bán lại cho/ mua lại từ chính xác khách hàng đó vào một ngày cụ thể trong tương lai với giá cụ thể được gọi là các hợp đồng repo. Khi có các giao dịch repo, Công ty ghi nhận vào sổ sách một khoản tài sản/ nợ phải trả bằng với giá bán lại/ mua lại vào một ngày cụ thể trong tương lai. Phần chênh lệch giữa giá bán lại/ mua lại và giá mua/ bán sẽ được ghi nhận như là một khoản nợ phải trả (doanh thu ghi nhận trước)/tài sản (chi phí chờ kết chuyển) và sẽ được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh như là một khoản thu nhập/ chi phí theo thời hạn của hợp đồng repo.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là "tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;
- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn, dài hạn

Dự phòng giảm giá đầu tư được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của các khoản đầu tư được hạch toán trên sổ kế toán lớn hơn giá trị thị trường của chúng tại thời điểm lập dự phòng.

Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí trước thành lập.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Chứng khoán ngân quỹ là cổ phiếu do Công ty phát hành và sau đó mua lại. Chứng khoán ngân quỹ được ghi nhận theo giá trị thực tế và trình bày trên Bảng Cân đối kế toán là một khoản ghi giảm vốn chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Doanh thu về vốn kinh doanh, cổ tức và lợi nhuận được chia

Thu nhập phát sinh từ tiền lãi được ghi nhận trên Báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích.

Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm hiện hành.

III . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO MỘT SỐ KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

1 . Tiền

	31/12/2008
	VND
Tiền mặt tại quỹ	1,230,658,792
Tiền gửi ngân hàng	23,745,001,067
Tiền đang chuyển	-
Tiền gửi của người đầu tư về giao dịch chứng khoán	3,900,824,740
Tiền gửi về bán chứng khoán phát hành	4,690,438,443
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	4,636,099,248
Cộng	38,203,022,290

2 . Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm

Chỉ tiêu	Khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm	Giá trị khối lượng giao dịch chứng khoán thực hiện trong năm (VND)
a) Cửa Công ty Chứng khoán	819,200	30,894,631,000
- Cổ phiếu	819,200	30,894,631,000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng chỉ quỹ		
- Chứng khoán khác		
b) Cửa người đầu tư	20,623,070	523,795,346,000
- Cổ phiếu	20,623,070	523,795,346,000
- Trái phiếu	-	-
- Chứng khoán khác		
Tổng cộng	21,442,270	554,689,977,000

3 . Chứng khoán tự doanh

	31/12/2008
	VND
Cổ phiếu niêm yết	14,218,015,014
Cổ phiếu chưa niêm yết	6,525,008,800
Trái phiếu	-
Chứng khoán khác	-
Cộng	20,743,023,814

Dự phòng giảm giá chứng khoán

	31/12/2008
	VND
Cổ phiếu niêm yết (*)	1,528,000,428
Cổ phiếu chưa niêm yết (**)	815,000,000
Chứng khoán khác	-
Cộng	2,343,000,428

(*) Dự phòng giảm giá chứng khoán niêm yết là khoản dự phòng giảm giá cho cổ phiếu của các tổ chức phát hành dựa trên giá đóng cửa tại thời điểm 31/12/2008 của các cổ phiếu này.

(**) Dự phòng giảm giá chứng khoán chưa niêm yết là khoản dự phòng giảm giá cho cổ phiếu của các tổ chức phát hành dựa trên giá chứng khoán tham khảo trên thị trường OTC tại thời điểm 31/12/2008. Các khoản đầu tư cổ phiếu chưa niêm yết chưa có cơ sở xác định giá giao dịch tại ngày 31/12/2008 để xác định dự phòng nhưng Công ty vẫn thực hiện trích lập dự phòng đối với khoản dự phòng giảm giá cho cổ phiếu của Tổng Công ty Rượu Bia Nước giải khát Sài Gòn là dựa trên việc điều chỉnh giá vốn là 25%.

Chi tiết chứng khoán tự doanh và dự phòng giảm giá chứng khoán

Đơn vị tính: VND				
Loại chứng khoán đầu tư	Số lượng	Giá trị ghi sổ VND	Giá trị thị trường VND	Dự phòng VND
1. Cổ phiếu niêm yết	436,785	14,218,015,014	12,824,271,500	1,528,000,428
ACB	40,085	993,202,328	1,118,371,500	-
DPM	35,000	1,233,500,000	1,207,500,000	26,000,000
DBC	2,000	25,512,258	34,600,000	-
DRC	33,600	710,421,000	564,480,000	145,941,000
NBC	10,000	481,500,000	302,000,000	179,500,000
QNC	12,500	314,508,000	270,000,000	44,508,000
SDT	84,000	2,133,781,428	1,789,200,000	344,581,428
SJS	85,000	4,816,000,000	4,590,000,000	226,000,000
SSI	25,000	731,500,000	720,000,000	11,500,000
STB	38,000	877,800,000	699,200,000	178,600,000
VC3	40,000	780,130,000	768,000,000	12,130,000
VCS	21,600	820,160,000	565,920,000	254,240,000
PVF	10,000	300,000,000	195,000,000	105,000,000
2. Cổ phiếu chưa niêm yết	220,000	6,525,008,800	2,650,000,000	815,000,000
Ngân hàng VP Bank	100,000	1,300,008,800	-	-
Ngân hàng VCB	50,000	1,620,000,000	-	-
Cổ phiếu HANIC	20,000	140,000,000	-	-
Cổ phiếu VICS			-	-
Tổng Công ty Rượu bia Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	50,000	3,465,000,000	2,650,000,000	815,000,000
Tổng cộng	656,785	20,743,023,814	15,474,271,500	2,343,000,428

Tình hình nắm giữ chứng khoán

Loại chứng khoán đầu tư	Chứng khoán công ty nắm giữ đến 31/12/2008	Tổng số chứng khoán công ty niêm yết đã phát hành
-------------------------	---	--

	Số lượng (1)	Giá trị theo mệnh giá (2)	Số lượng (3)	Giá trị theo mệnh giá (4)	Tỷ lệ (5=4/2)
1. Cổ phiếu niêm yết	436,785	4,367,850,000	2,359,989,657	23,599,896,570,000	
ACB	40,085	400,850,000	635,581,278	6,355,812,780,000	0.0063%
DPM	35,000	350,000,000	380,000,000	3,800,000,000,000	0.0092%
DBC	2,000	20,000,000	17,700,000	177,000,000,000	0.0113%
DRC	33,600	336,000,000	15,384,624	153,846,240,000	0.2184%
NBC	10,000	100,000,000	6,000,000	60,000,000,000	0.1667%
QNC	12,500	125,000,000	12,424,000	124,240,000,000	0.1006%
SDT	84,000	840,000,000	11,700,000	117,000,000,000	0.7179%
SJS	85,000	850,000,000	40,000,000	400,000,000,000	0.2125%
SSI	25,000	250,000,000	136,666,671	1,366,666,710,000	0.0183%
STB	38,000	380,000,000	511,583,084	5,115,830,840,000	0.0074%
VC3	40,000	400,000,000	80,000,000	800,000,000,000	0.0500%
VCS	21,600	216,000,000	12,950,000	129,500,000,000	0.1668%
PVF	10,000	100,000,000	500,000,000	5,000,000,000,000	0.0020%
2. Cổ phiếu chưa niêm yết	220,000	2,200,000,000	2,071,114,645	20,711,146,450,000	
Cổ phiếu HANIC	20,000	200,000,000	8,000,000	80,000,000,000	0.2500%
Ngân hàng VP Bank	100,000	1,000,000,000	211,747,433	2,117,474,330,000	0.0472%
Ngân hàng VCB	50,000	500,000,000	1,210,086,026	12,100,860,260,000	0.0041%
Cổ phiếu VICS					-
Tổng Công ty Rượu bia Nước giải khát Sài Gòn (Sabeco)	50,000	500,000,000	641,281,186	6,412,811,860,000	0.0078%
Tổng cộng	656,785	6,567,850,000	4,431,104,302	44,311,043,020,000	

4 . Đầu tư ngắn hạn

	31/12/2008
	VND
Ủy thác đầu tư cho Công ty CP VICS INVEST	23,060,000,000
Ủy thác đầu tư cho ông Trương Xuân Khánh	9,737,969,195
Tiền gửi có kỳ hạn - NH Công Thương - CN Chương Dương	6,000,000,000
Tiền gửi có kỳ hạn - NH TMCP Nam Việt - CN Hà Nội	28,300,000,000
Cộng	67,097,969,195

5 . Các khoản phải thu khác

	31/12/2008
	VND
Phải thu người lao động	-
Kinh phí công đoàn	-
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	-
Phải thu Công ty Đầu tư Thăng Long	398,584,115
Phải thu về lãi khoản vay hộ cho các cổ đông	676,443,333
Thù lao và các khoản chi cho Hội đồng quản trị (*)	784,115,732
Tiền thưởng lễ tết, chi mang tính chất phúc lợi cho Cán bộ Công nhân viên (**)	513,620,000
Phải thu Thuế TNCN của Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	-
Lãi Tiền gửi Ngân hàng tính đến hết 31/12/2008	714,058,333
Lãi ủy thác đầu tư	-
Phải thu khác	871,840,600

Cộng		3,958,662,113
Dự phòng phải thu khó đòi		
	31/12/2008	31/12/2008
	VND	VND
Dự phòng phải thu khó đòi	-	-
Cộng	-	-
Hàng tồn kho		
	31/12/2008	31/12/2008
	VND	VND
Hàng mua đang đi đường	-	-
Nguyên liệu, vật liệu	-	-
Công cụ, dụng cụ	-	-
Cộng giá gốc hàng tồn kho	-	-

(*) Đây là chi phí cho Hội đồng Quản trị trong năm 2008 được Hội đồng Quản trị nhận nợ vay theo Nghị quyết thông qua phương án chi các khoản thù lao và chi phí HĐQT số 16/2008/NQ-HĐQT ngày 31/12/2008.

(**) Đây là các khoản chi phí mang tính chất phúc lợi phát sinh trong năm 2008 được Ban chấp hành Công đoàn Công ty nhận nợ theo giấy nhận nợ ngày 31/12/2008.

6 . Chi phí trả trước

	31/12/2008
	VND
Công cụ dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn	3,283,355,797
Chi phí trước thành lập	5,599,584,882
Cộng	8,882,940,679

7 . Tài sản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn

	31/12/2008
	VND
Đặt cọc Sở GDCK HCM	-
Đặt cọc Trung tâm GDCK HN	-
Đặt cọc thuê văn phòng	2,525,461,614
Đặt cọc khác	47,500,000
Cộng	2,572,961,614

b) Tình hình đầu tư tài sản cố định và trang thiết bị

Vốn điều lệ tính đến ngày 31/12/2008	TSCĐ và trang thiết bị		Tỷ lệ TSCĐ và trang thiết bị so với Vốn điều lệ
	Chỉ tiêu	Giá trị	
140,932,000,000	Nguyên giá	11,679,797,132	0.08
	Khấu hao	(770,085,265)	
	Giá trị còn lại	10,909,711,867	0.08
Cộng	x	x	x

9 . TĂNG GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

Chỉ tiêu	Phần mềm máy tính	Cộng
I. Nguyên giá		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Số tăng trong năm	1,524,536,777	1,524,536,777
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	1,524,536,777	1,524,536,777
II. Giá trị đã hao mòn lũy kế		
1. Số dư đầu năm	-	-
2. Số tăng trong năm	73,058,433	73,058,433
- Trích khấu hao	73,058,433	73,058,433
3. Số giảm trong năm	-	-
4. Số dư cuối năm	73,058,433	73,058,433
III. Giá trị còn lại		
1. Đầu năm	-	-
2. Cuối năm	1,451,478,344	1,451,478,344

10 . Tình hình đảm bảo về vốn khả dụng

Tỷ lệ vốn khả dụng trên tổng nợ điều chỉnh tại thời điểm 31/12/2008: 5270%

11 . Tiền nộp quỹ hỗ trợ thanh toán

	31/12/2008 VND
Số đầu năm	
Tăng quỹ hỗ trợ thanh toán	8,022,117,749
Giảm quỹ hỗ trợ thanh toán	7,902,117,749
Số đầu năm	120,000,000

12 . Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	31/12/2008 VND
Thuế GTGT hàng bán nội địa	12,267,274
Thuế Xuất khẩu, Nhập khẩu	-
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	33,059,449
Thuế Thu nhập cá nhân	32,043,744
Các loại thuế khác	-
Phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	-
Cộng	77,370,467

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

13 . Chi phí phải trả

	31/12/2008 VND
Chi phí thuê xe ô tô	348,617,675
Chi phí thuê văn phòng	66,130,856
Chi phí kiểm toán	92,400,000
Chi phí khác	305,588,486
Cộng	812,737,017

14 . Các khoản phải trả, phải nộp khác

	31/12/2008 VND
Kinh phí công đoàn	23,710,786
Bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	28,800,372
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	-
Doanh thu chưa thực hiện	-
Phải trả Công ty CP Cảng Đình Vũ	-
Phải trả Công ty CP Hapaco	-
Phải trả cổ đông chiến lược về cổ phiếu phát hành	-
Phải trả cổ đông hiện hữu về cổ phiếu phát hành	-
Phải trả khách hàng mua cổ phiếu phát hành	-
Phải trả về đặt cọc đấu giá cổ phiếu	-
Phải trả, phải nộp khác	209,357,577
Cộng	261,868,735

15 . Vốn chủ sở hữu

a) Tình hình tăng giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Chỉ tiêu	Số đầu kỳ	Tăng trong kỳ	Giảm trong kỳ	Số cuối kỳ
I. Nguồn vốn kinh doanh	-	150,000,000,000	9,068,000,000	140,932,000,000
1. Vốn góp ban đầu	-	150,000,000,000	9,068,000,000	140,932,000,000
2. Vốn bổ sung	-	-	-	-

- Thặng dư vốn cổ phần				-
- Bổ sung từ lời nhuận			-	-
- Bổ sung từ nguồn khác	-	-	-	-
3. CK ngân quỹ thuần	-	-	-	-
- Chứng khoán ngân quỹ				-
- Dự phòng CK ngân quỹ	-		-	-
II. Các quỹ và lợi nhuận	-	470,242,863	-	470,242,863
1. Quỹ đầu tư phát triển	-	-	-	-
2. Quỹ dự phòng tài chính	-	-	-	-
- Dự trữ pháp định				-
- Dự trữ theo ĐL công ty	-	-	-	-
- Dự trữ bất thường	-	-	-	-
- Dự trữ khác	-	-	-	-
3. Quỹ dự phòng TCMVL	-	-	-	-
4. LN chưa phân phối		470,242,863		470,242,863
5. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-
Tổng cộng	-	150,470,242,863	9,068,000,000	141,402,242,863

(*) Vốn góp giảm trong năm nay giảm là phần vốn góp trả lại cho cổ đông là cán bộ nhân viên nghỉ việc theo Nghị quyết số 12/2008/NQ-HĐQT ngày 29 tháng 10 năm 2008 của Hội đồng Quản trị của Công ty.

b) Tình hình thu nhập của vốn chủ sở hữu

	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận sau thuế	470,242,863
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận sau thuế để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	470,242,863
Cổ phiếu phổ thông bình lưu hành quân trong kỳ	13,625,556
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	35.00

16 . Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm 2008 VND
Doanh thu môi giới chứng khoán cho người đầu tư	790,016,680
Doanh thu hoạt động tự doanh chứng khoán	11,606,563,497
Doanh thu quản lý doanh mục đầu tư cho người đầu tư	-
Doanh thu bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán	-
Doanh thu tư vấn tài chính	778,200,000
Doanh thu lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	-
Hoàn nhập dự phòng, các khoản trích trước	-
Doanh thu về vốn kinh doanh	10,181,332,574
Doanh thu khác	-
Cộng	23,356,112,751

17 . Thu lãi đầu tư

	Năm 2008 VND
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	375,556,000
Khác	-
Cộng	375,556,000

18 . Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	Năm 2008 VND
Chi phí môi giới chứng khoán cho người đầu tư	168,045,486
Chi phí hoạt động tự doanh chứng khoán	1,067,969,486
Chi phí quản lý doanh mục đầu tư cho người đầu tư	17,542,038
Chi phí bảo lãnh đại lý phát hành chứng khoán	880,000
Chi phí tư vấn tài chính	-
Chi phí lưu ký chứng khoán cho người đầu tư	3,890,854
Chi phí dự phòng	2,343,000,428
Chi phí về vốn kinh doanh	173,333,558
Chi phí trực tiếp hoạt động kinh doanh chứng khoán	4,117,111,328
- Chi phí nhân viên	2,915,624,717
- Chi phí vật liệu, công cụ lao động	356,047,712
- Chi phí khấu hao TSCĐ	62,639,908
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	376,048,838
- Chi phí khác bằng tiền	406,750,153
Cộng	7,891,773,178

19 . Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2008 VND
Chi phí nhân viên	3,457,013,594
Chi phí vật liệu, công cụ lao động	818,984,417
Chi phí khấu hao tài sản cố định	770,085,265
Chi phí thuế, phí, lệ phí	7,906,000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7,582,679,428
Chi phí khác bằng tiền	2,703,531,760
Cộng	15,340,200,464

20 . Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp

	Năm 2008 VND
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	503,302,312
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	
- Các khoản điều chỉnh tăng	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	375,659,650
Tổng lợi nhuận tính thuế	127,642,662
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	28%
Thuế TNDN được giảm theo Thông tư 03/2009/TT-BTC ngày 13/01/2009	2,680,496
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	33,059,449

21 . Những thông tin khác

Những sự kiện phát sinh sau ngày kế thúc kỳ kế toán năm

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính.

Thông tin về các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh, Công ty phát sinh các nghiệp vụ với các bên liên quan. Các nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát tình hình tài chính và kết quả hoạt động của Công ty

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2008 VND
1. Bố trí cơ cấu tài sản		
- Tài sản cố định/ Tổng tài sản	%	7%
- Tài sản lưu động/ Tổng tài sản	%	93%
2. Tỷ suất lợi nhuận		
- Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu	%	2%
- Tỷ suất lợi nhuận trên vốn	%	0.33%
- Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản	%	0.03%
3. Tình hình tài chính		
- Tỷ lệ nợ phải trả/ Tổng tài sản	%	10%
- Khả năng thanh toán		
<i>Hiện thời: TSLE/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	3.82

<i>Thanh toán nhanh: (TSLĐ - Hàng tồn kho)/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	<i>3.82</i>
<i>Thanh toán bằng tiền: Tiền và tương đương tiền/ Nợ ngắn hạn</i>	<i>lần</i>	<i>2.40</i>

Số liệu đầu năm

Do năm nay là năm đầu tiên Công ty chính thức đi vào hoạt động nên không có số liệu đầu năm trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính 2008.

Một số chỉ tiêu đã được phân loại lại cho phù hợp để so sánh với số liệu năm nay:

<u>Chỉ tiêu</u>	<u>Mã số</u>	<u>Phân loại lại VND</u>	<u>Đã trình bày trên báo cáo năm trước</u>
Bảng cân đối kế toán		-	-
		-	-
Bao cáo Kết quả hoạt động kinh doanh		-	-
		-	-
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ		-	-
		-	-

Lập, ngày 16 tháng 02 năm 2009

Người lập

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc

Trần Quỳnh Hương

Phạm Thúy Lan

Nguyễn Phúc Long